
Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2022
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Công Luận
Bà Lương Lê Thanh Vân
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D - KH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 25/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T - sinh năm 1976
Địa chỉ: thôn 1, xã P, huyện D, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn N - sinh năm 1974
Địa chỉ: thôn 1, xã P, huyện D, tỉnh KH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2021, biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn N tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 và đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, nghiện bỏ đũa, không có trách nhiệm, quan tâm đến gia đình, thường xuyên có những lời nói xúc phạm và hành động gây tổn thương cho chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi, gia đình không hạnh phúc. Mặc dù, chị đã cố gắng khuyên nhưng anh N vẫn không thay đổi bản tính. Chị và anh N đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn N.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn A - sinh ngày 04/02/2011. Chị có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T xác định giữa chị và anh N không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh Nguyễn N đến Tòa án làm việc, nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn N; về con chung: có 01 con chung là Nguyễn A- sinh ngày 04/02/2011; chị có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Bị đơn anh Nguyễn N vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn N vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn N. Về con chung: giao con chung là Nguyễn A- sinh ngày 04/02/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung: chị T xác định giữa chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh N không có nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn N vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau vào năm 2010 và đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2011 ngày 13/7/2011 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh N thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh N ham mê cờ bạc, nghiện bỏ đà, không có trách nhiệm với gia đình, có những lời nói và hành động xúc phạm gây tổn thương cho chị, dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Chị T xác định không còn chung sống với anh N từ đầu năm 2021 cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2021, bà Lê Thị Thảo Vy - Hội trưởng Hội phụ nữ xã P cho biết: chị T và anh N không đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh N không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, hôn nhân giữa chị T và anh N đã có mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn N.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn A- sinh ngày 04/02/2011. Cháu Anh có nguyện vọng ở với chị T. Hiện tại, chị T là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị T phù hợp với pháp luật nên cần để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Anh. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh N không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn N.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn A- sinh ngày 04/02/2011, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị T, anh N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình 300.000 đồng, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007619 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Diên Khánh. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Ủy ban nhân dân xã P (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh